

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH - THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB, ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014, ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394 vào ngày 12 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính được đặt tại số 40, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Cửa hàng Thiết Bị Đông Hồ: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000811, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-004 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876, ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tét bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Châu Văn Hiếu	Chủ tịch
Ông Đỗ Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Dương Văn Tài	Thành viên
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đặng Văn Lành	Trưởng ban
Bà Nguyễn Kim Phượng	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Giám Đốc
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám Đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2012

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG

Số: 12.229/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
 Các thành viên Ban Giám đốc
 CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 06 đến trang 31 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.250.034.913	25.754.809.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	4.038.205.777	6.100.144.338
1. Tiền	111		4.038.205.777	6.100.144.338
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	6.438.252.823	4.972.326.027
1. Phải thu khách hàng	131		6.344.826.426	4.776.165.121
2. Trả trước cho người bán	132		203.085.231	207.599.197
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		23.798.341	55.359.284
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(133.457.175)	(66.797.575)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	15.504.540.827	14.562.215.544
1. Hàng tồn kho	141		15.579.356.153	14.594.022.137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(74.815.326)	(31.806.593)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		269.035.486	120.123.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		207.035.486	48.123.915
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		62.000.000	72.000.000

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIẾN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.280.729.697	7.957.169.851
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		6.295.311.363	6.643.986.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	4.120.801.818	4.574.476.834
+ Nguyên giá	222		8.032.331.171	8.006.852.671
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.911.529.353)	(3.432.375.837)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.5)	2.159.555.000	2.054.555.000
+ Nguyên giá	228		2.185.225.000	2.065.225.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.670.000)	(10.670.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		14.954.545	14.954.545
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	275.370.000	400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		610.370.000	599.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(335.000.000)	(199.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		710.048.334	913.183.472
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	710.048.334	913.183.472
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.530.764.610	33.711.979.675

(Phần tiếp theo ở trang 8)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.660.333.922	16.131.372.525
I. Nợ ngắn hạn	310		16.206.749.217	15.546.195.373
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.8)	3.090.000.000	1.841.640.500
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	9.544.563.770	11.077.130.985
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	34.147.721	18.300.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	390.499.587	756.373.402
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	1.933.755.999	826.423.505
6. Chi phí phải trả	316	(5.12)	728.455.169	594.993.030
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	125.840.642	109.717.106
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.14)	359.486.329	321.616.756
II. Nợ dài hạn	330		453.584.705	585.177.152
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.15)	180.000.000	420.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		273.584.705	165.177.152
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.870.430.688	17.580.607.150
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	16.870.430.688	17.580.607.150
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		867.115.783	703.206.706
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.16.5)	3.140.314.905	4.014.400.444
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.530.764.610	33.711.979.675

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		379.933.564	379.933.564
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÂM NHỰT MINH

Kiên Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2012

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		99.574.745.926	90.897.743.485
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.105.696.381	640.922.528
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	96.469.049.545	90.256.820.957
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	75.309.988.703	70.997.900.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.159.060.842	19.258.920.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	45.369.109	97.785.123
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.027.410.177	794.506.876
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		891.410.177	583.148.173
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	12.270.344.851	10.971.162.658
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	3.813.026.952	3.528.925.326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.093.647.971	4.062.111.210
11. Thu nhập khác	31		273.260.748	51.328.598
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		273.260.748	51.328.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.366.908.719	4.113.439.808
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	1.088.727.179	1.019.767.452
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.278.181.540	3.093.672.356
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.16.4)	2.663	2.513

Kiên Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.366.908.719	4.113.439.808
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		494.153.516	518.209.060
Các khoản dự phòng	03		245.668.333	207.937.200
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45.369.109)	(81.306.852)
Chi phí lãi vay	06		891.410.177	583.148.173
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.952.771.636	5.341.427.389
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.580.586.396)	(519.540.329)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(985.334.016)	(944.119.686)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(432.677.616)	5.880.230.290
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		44.223.567	124.205.651
Tiền lãi vay đã trả	13		(891.410.177)	(583.148.173)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.173.317.239)	(1.289.008.690)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.000.000	115.738.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(543.508.429)	(702.375.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		440.161.330	7.423.409.103
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(97.478.500)	(120.028.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			279.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.370.000)	(118.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			159.520.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.369.109	56.786.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(63.479.391)	257.277.853

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.003.638.322	15.256.128.643
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.995.278.822)	(15.836.879.993)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.446.980.000)	(2.462.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.438.620.500)	(3.042.871.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.061.938.561)	4.637.815.606
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.100.144.338	1.462.328.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.038.205.777	6.100.144.338

Kiên Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB, ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000014, ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394 vào ngày 12 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 40, Đường Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Nhà sách Đông Hồ 1: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ 2: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Cửa hàng Thiết Bị Đông Hồ: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000811, ngày 26 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-004 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876, ngày 09 tháng 07 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 25 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1702);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan đến in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký sổ cái.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá bìa (hoặc giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bìa (hoặc giá bán).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối năm tài chính xác định được lượng hàng hóa kém, mất chất lượng, chậm luân chuyển hoặc do Nhà nước quy định thay sách giáo khoa, Công ty trích lập dự phòng 50% giá trị vào chi phí.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Phần mềm quản lý nhà sách	03 - 08 năm

4.5. Nguyên tắc phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là công cụ, dụng cụ xuất sử dụng có thời gian phân bổ từ 2 đến 8 năm.

4.6. Lương

Theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương năm 2011, quỹ lương năm 2011 được duyệt là 65,29% trên tổng thu nhập chưa tính lương, không bao gồm quỹ lương Ban Giám Đốc.

Tiền lương sản xuất phụ được hạch toán thẳng vào chi phí và giá thành sản phẩm không tính trong đơn giá tiền lương được duyệt.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lần lượt 5%, 10% và 3% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN của Công ty là 25%.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	80.631.367	72.266.330
Tiền gửi ngân hàng	<u>3.957.574.410</u>	<u>6.027.878.008</u>
Tổng cộng	<u>4.038.205.777</u>	<u>6.100.144.338</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	6.344.826.426	4.776.165.121
Trả trước cho người bán	203.085.231	207.599.197
Các khoản phải thu khác	<u>23.798.341</u>	<u>55.359.284</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	6.571.709.998	5.039.123.602
Dự phòng các phải thu khó đòi	<u>(133.457.175)</u>	<u>(66.797.575)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>6.438.252.823</u>	<u>4.972.326.027</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.004.336.202	1.533.404.470
Thành phẩm	629.396.000	422.970.000
Hàng hóa	<u>11.945.623.951</u>	<u>12.637.647.667</u>
Cộng giá gốc hàng tồn kho	15.579.356.153	14.594.022.137
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(74.815.326)</u>	<u>(31.806.593)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>15.504.540.827</u>	<u>14.562.215.544</u>

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.737.846.371	1.048.355.936	745.854.146	474.796.218	8.006.852.671
Mua trong năm	-	-	-	25.478.500	25.478.500
Số dư cuối năm	<u>5.737.846.371</u>	<u>1.048.355.936</u>	<u>745.854.146</u>	<u>500.274.718</u>	<u>8.032.331.171</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.554.327.651	794.395.996	694.403.610	389.248.580	3.432.375.837
Khấu hao trong năm	306.432.480	88.340.228	41.760.360	42.620.448	479.153.516
Số dư cuối năm	<u>1.860.760.131</u>	<u>882.736.224</u>	<u>736.163.970</u>	<u>431.869.028</u>	<u>3.911.529.353</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.183.518.720	253.959.940	51.450.536	85.547.638	4.574.476.834
Tại ngày cuối năm	<u>3.877.086.240</u>	<u>165.619.712</u>	<u>9.690.176</u>	<u>68.405.690</u>	<u>4.120.801.818</u>

- Nhà sách Đông Hồ 1 với nguyên giá là 1.391.654.665 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng số 09260090, ngày 07 tháng 07 năm 2009 - xem thêm mục 5.15.

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.845.669.338 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.054.555.000	10.670.000	2.065.225.000
Mua trong năm	-	120.000.000	120.000.000
Số dư cuối năm	2.054.555.000	130.670.000	2.185.225.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	10.670.000	10.670.000
Khấu hao trong năm	-	15.000.000	15.000.000
Số dư cuối năm	-	25.670.000	25.670.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.054.555.000	-	2.054.555.000
Tại ngày cuối năm	2.054.555.000	105.000.000	2.159.555.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.670.000 đồng.

5.6. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	40.000	523.000.000	40.000	523.000.000
Công ty Cổ phần Đức Trí	8.737	87.370.000	7.600	76.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn		610.370.000		599.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(335.000.000)		(199.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		275.370.000		400.000.000

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang	-	1.601.640.500
Vay nhân viên Công ty	2.850.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả - xem thêm mục 5.15	240.000.000	240.000.000
Tổng cộng	3.090.000.000	1.841.640.500

Khoản vay nhân viên Công ty chịu lãi suất 1.45%/tháng trong 3 tháng.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.544.563.770	11.077.130.985
Người mua trả tiền trước	34.147.721	18.300.089
Tổng cộng	9.578.711.491	11.095.431.074

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	4.255.010	303.114.101
Thuế thu nhập doanh nghiệp	368.669.241	453.259.301
Thuế thu nhập cá nhân	17.575.336	-
Tổng cộng	390.499.587	756.373.402

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng chưa chi.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chiết khấu bán hàng	560.258.392	407.406.253
Chi phí thưởng bán hàng	143.446.777	165.086.777
Khác	24.750.000	22.500.000
Tổng cộng	728.455.169	594.993.030

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	125.768.477	16.973.659
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>72.165</u>	<u>92.743.447</u>
Tổng cộng	<u>125.840.642</u>	<u>109.717.106</u>

5.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	321.616.756	399.548.242
Trích lập trong năm	426.163.602	386.863.463
Sử dụng trong năm	<u>(388.294.029)</u>	<u>(464.794.949)</u>
Số dư cuối năm	<u>359.486.329</u>	<u>321.616.756</u>

5.15. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	420.000.000	660.000.000
Trừ vay dài hạn đến hạn trả - xem thêm mục 5.8	<u>(240.000.000)</u>	<u>(240.000.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>180.000.000</u>	<u>420.000.000</u>

Vay dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Kiên Giang với chi tiết như sau:

Hợp đồng vay số	: 09260090, ngày 07 tháng 07 năm 2009
Số tiền vay	: 900.000.000 đồng
Thời hạn vay	: 04 năm
Lãi suất	: 10,5%/năm
Mục đích vay	: Đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng cấp tầng Nhà sách Đông Hồ 1
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành trong tương lai (Nhà sách Đông Hồ 1)

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	12.310.600.000	552.400.000	548.952.713	4.005.807.944	17.417.760.657
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.093.672.356	3.093.672.356
Tăng khác	-	-	154.253.993	-	154.253.993
Giảm khác	-	-	-	(3.085.079.856)	(3.085.079.856)
Số dư đầu năm nay	12.310.600.000	552.400.000	703.206.706	4.014.400.444	17.580.607.150
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	3.278.181.540	3.278.181.540
Tăng khác	-	-	163.909.077	-	163.909.077
Giảm khác	-	-	-	(4.152.267.079)	(4.152.267.079)
Số dư cuối năm nay	12.310.600.000	552.400.000	867.115.783	3.140.314.905	16.870.430.688

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	6.526.160.000	53%	6.526.160.000	53%
Đối tượng khác	3.322.440.000	27%	3.322.440.000	27%
Tổng cộng	12.310.600.000	100%	12.310.600.000	100%

5.16.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	3.278.181.540	3.093.672.356
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.231.060	1.231.060
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.663	2.513

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	4.014.400.444	4.005.807.944
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.278.181.540	3.093.672.356
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(163.909.077)	(154.253.993)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(426.163.602)	(386.863.463)
Chia cổ tức	(3.446.980.000)	(2.462.120.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	<u>(115.214.400)</u>	<u>(81.842.400)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>3.140.314.905</u>	<u>4.014.400.444</u>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	99.160.553.511	90.550.577.213
Doanh thu nội bộ	414.192.415	347.166.272
Các khoản giảm trừ	<u>(3.105.696.381)</u>	<u>(640.922.528)</u>
Doanh thu thuần	<u>96.469.049.545</u>	<u>90.256.820.957</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	75.309.988.703	70.997.900.010

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	33.369.109	22.416.852
Cổ tức được chia	12.000.000	34.370.000
Lãi bán chứng khoán	-	24.520.000
Chiết khấu được hưởng từ Nhà xuất bản	<u>-</u>	<u>16.478.271</u>
Tổng cộng	<u>45.369.109</u>	<u>97.785.123</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	891.410.177	583.148.173
Dự phòng đầu tư tài chính	136.000.000	199.000.000
Chiết khấu thanh toán nội bộ	<u>-</u>	<u>12.358.703</u>
Tổng cộng	<u>1.027.410.177</u>	<u>794.506.876</u>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.660.544.260	6.344.752.102
Chi phí chiết khấu, thường bán hàng	838.692.513	1.170.130.618
Chi phí vật liệu, bao bì	55.100.000	226.070.140
Chi phí công cụ dụng cụ	554.821.285	541.870.122
Chi phí khấu hao tài sản cố định	409.965.221	436.910.683
Chi phí bảo hành	1.200.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.664.341.545	1.826.881.844
Chi phí bằng tiền khác	85.680.027	415.547.149
Tổng cộng	12.270.344.851	10.971.162.658

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.712.825.943	2.451.772.858
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.348.805	59.491.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.419.735	67.479.829
Thuế, phí, lệ phí	30.159.025	27.157.245
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	66.659.600	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.624.632	432.914.003
Chi phí bằng tiền khác	442.989.212	490.110.058
Tổng cộng	3.813.026.952	3.528.925.326

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.366.908.719	4.113.439.808
Cổ tức không chịu thuế	(12.000.000)	(34.370.000)
Tổng thu nhập tính thuế	4.354.908.719	4.079.069.808
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.088.727.179	1.019.767.452

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.688.640.528	3.203.067.008
Chi phí nhân công	11.485.171.564	9.761.180.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.953.516	518.209.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.094.778.824	2.334.014.907
Chi phí khác bằng tiền	<u>1.465.600.377</u>	<u>2.113.973.520</u>
Tổng cộng	<u>21.238.144.809</u>	<u>17.930.445.438</u>

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	181.440.000	151.200.000
Lương Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc	<u>666.485.030</u>	<u>534.933.624</u>
Tổng cộng	<u>847.925.030</u>	<u>686.133.624</u>

8. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.038.205.777	6.100.144.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>6.211.369.251</u>	<u>4.720.737.546</u>
Tổng cộng	<u>10.249.575.028</u>	<u>10.820.881.884</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay	3.270.000.000	2.261.640.500
Phải trả người bán	9.544.563.770	11.077.130.985
Chi phí phải trả	<u>585.008.392</u>	<u>429.906.253</u>
Tổng cộng	<u>13.399.572.162</u>	<u>13.768.677.738</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Quản lý rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.544.563.770	-	9.544.563.770
Các khoản vay	3.090.000.000	180.000.000	3.270.000.000
Chi phí phải trả	585.008.392	-	585.008.392

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.077.130.985	-	11.077.130.985
Các khoản vay	1.841.640.500	420.000.000	2.261.640.500
Chi phí phải trả	429.906.253	-	429.906.253

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.211.369.251	-	6.211.369.251

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.720.737.546	-	4.720.737.546

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 01 năm 2012.

Kiên Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

LÂM NHỰT MINH

NGUYỄN HÙNG DŨNG